

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-ST

Ngày: 25-6-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Hùng Dương;

Ông Phạm Văn Lâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/QĐST – DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn L, sinh năm 1975; trú tại: số 288/86/8A, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Tuyết L1, sinh năm 1987; trú tại: số 288/89/8A, khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Minh L2; trú tại: số 288/89/8A, khu 7, phường P, thành phố, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Bùi Văn L trình bày:*

Ngày 03/01/2020 ông L có cho bà Phạm Thị Tuyết L1 mượn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Bà L1 nói là mượn tạm trong vòng 01 tháng hẹn đến ngày 03/02/2020 sẽ trả. Do là hàng xóm với nhau nên ông L đã đưa tiền cho bà L1 cho mượn, địa điểm giao tiền là tại nhà ông L và có lập thành văn bản, bên cho mượn tiền là ông L ký tên, bên mượn tiền là bà L1 và ông L2 (chồng bà L1) cùng ký tên. Đến hạn thanh toán, bà L1 và ông L2 không trả được số tiền trên nên có xin ông L cho gia hạn đến ngày 03/4/2020, việc xin gia hạn này được ông L đồng ý và thể hiện tại mặt

sau của giấy mượn tiền. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán ông L đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà L1 và ông L2 không trả số tiền trên cho ông L.

Nay, ông L khởi kiện yêu cầu bà L1 và ông L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Ông Bùi Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh L2 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà L1 và ông L2.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Giấy mượn tiền ngày 03/01/2021. Ngoài ra, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 và các khoản 1, 3, 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc bà Phạm Thị Tuyết L1 và ông Nguyễn Minh L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Văn L số tiền gốc 100.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Văn L khởi kiện bà Phạm Thị Tuyết L1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bà L1 có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Bùi Văn L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hình thức của giấy mượn tiền ngày 03/01/2020: Hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký và ghi rõ họ tên của bên cho vay là ông Bùi Văn L, bên vay là bà Phạm Thị Tuyết L1 và ông Nguyễn Minh L2, nên về hình thức của hợp đồng đúng quy định tại khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về nội dung: Các thoả thuận trong giấy mượn tiền đã ký không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội do đó hợp đồng vay tài sản ngày 03/10/2020 có giá trị thi hành đối với các bên.

Thực hiện hợp đồng vay, ông L đã giao cho bà L1 100.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 03/4/2020, không có thoả thuận lãi. Do đó, hợp đồng giữa các bên là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi. Bà L1 và ông L2 là vợ chồng, việc vay tiền của bà L1, ông L2 có biết và cùng ký tên vào giấy mượn tiền. Khi đến hạn, bà L1 và ông L2 không trả tiền nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bà Phạm Thị Tuyết L1 và ông Nguyễn Minh L2 phải có nghĩa vụ phải trả cho ông Bùi Văn L số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L đối với bà Phạm Thị Tuyết L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Phạm Thị Tuyết L1 và ông Nguyễn Minh L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Văn L số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2.** Về án phí:

Bà Phạm Thị Tuyết L1 và ông Nguyễn Minh L2 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5000.000 đồng (năm triệu đồng).

Ông Bùi Văn L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông L 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0050790 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. TDM;
- Chi cục THADS Tp. TDM;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Ái Ngân**